

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/LĐ-PT

Ngày: 08 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp quyền, lợi ích  
liên quan đến tiền lương*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trang

*Các Thẩm phán:*

Bà Mạc Thị Chiên

Bà Hà Thị Phương Thanh

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Tăng Thị Như Ý - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 07/2025/TLPT-LĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về “*Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 02/2025/LĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 692/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 634/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông **Đỗ L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường An Bình, thành phố Cần Thơ).

2. Ông **Quách VT**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A, đường C, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

3. Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Tân Thạnh, thành phố Cần Thơ).

4. Ông **Nguyễn P**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số T, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

5. Ông **Âu T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, đường C, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

6. Bà **Nguyễn X**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số A, đường P, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

*Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn:* Ông **Trần QT**, sinh năm 1991; Địa chỉ: số B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã G, thành phố Cần Thơ). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần Mía đường S.**

Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Trần NH** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1978.

2. Ông **Đào C**, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Số A, đường H, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là phường S, thành phố Cần Thơ). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* **Công ty cổ phần Mía đường S.**

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung như sau:***

Các nguyên đơn ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn T, ông Nguyễn P, ông Âu T, bà Nguyễn X có người đại diện theo ủy quyền ông Trần QT trình bày:

Các nguyên đơn là người lao động của Công ty cổ phần Mía đường S (sau đây viết tắt là Công ty). Ngày 30/6/2016 Công ty và Công đoàn cơ sở Công ty ký Thỏa ước lao động tập thể với thỏa thuận tại Điều 5 là “Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng quy chế tiền lương, tiền thưởng Công ty” và đơn giá tiền lương mỗi tấn sản phẩm của vụ đường năm 2017-2018 là 800.000 đồng.

Theo Điều 2 quy chế tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 – sau đây viết tắt là Quy chế tiền lương) quy định “Quỹ tiền lương gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nên thu nhập của người lao động có thể thay đổi theo từng tháng hoặc kỳ sản xuất dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Tổng Giám đốc giao cho từng đơn vị hoặc cá nhân” và theo Hợp đồng lao động đã ký kết thì Công ty trả lương cho công nhân theo sản phẩm. Từ đó tiền lương phụ thuộc vào sản lượng đường làm ra.

Vụ sản xuất năm 2016-2017, Công ty còn thừa quỹ lương 715.002.892 đồng. Kết thúc vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018), Công ty đạt sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho và đơn giá tiền lương mỗi tấn là 800.000 đồng nên Quỹ lương trích trong vụ này là 36.430.760.000 đồng (45.538,45 tấn x 800.000 đồng/tấn). Trong vụ 2017-2018, Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động hết 24.520.252.317 đồng, chi thưởng 3.005.918.800 đồng nên Công ty còn thừa quỹ tiền lương là 9.619.591.775 đồng nhưng không chi trả cho người lao động mà Hội đồng quản trị lại ban hành Nghị quyết số 05 ngày 04/01/2019 để hoàn nhập số tiền này giảm lỗ cho vụ năm 2018-2019, sau đó là Nghị quyết số 45 ngày 15/5/2019 đã bổ sung số tiền trên vào quỹ lương của vụ 2018-2019.

Việc sử dụng quỹ lương như trên là trái với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương, nên các nguyên đơn yêu cầu Công ty phải thanh toán cho các nguyên đơn quỹ tiền lương còn thừa của vụ 2017-2018 như đã nêu trên.

Nay ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn T, ông Nguyễn P, ông Âu T, bà Nguyễn X yêu cầu Tòa án giải quyết: yêu cầu Công ty cổ phần Mía đường S chi trả quỹ tiền lương còn thừa là 8.904.588.883 đồng của vụ sản xuất 2017- 2018 cho các nguyên đơn gồm 06 người theo tỷ lệ mức lương từng người được hưởng tại tháng 6/2018 với tổng số tiền là: 137.079.531 đồng, cụ thể từng người như sau: ông Đỗ L số tiền 26.012.557 đồng; ông Quách VT số tiền 19.597.254 đồng; ông Nguyễn T số tiền 27.741.433 đồng; ông Nguyễn P số tiền 20.158.608 đồng; ông Âu T số tiền 21.557.885 đồng và bà Nguyễn X số tiền 22.011.794 đồng.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu bị đơn thanh toán quỹ tiền lương vụ sản xuất năm 2017 – 2018 cho các nguyên đơn như sau: ông Đỗ L số tiền 24.822.750 đồng; ông Quách VT số tiền 18.291.854 đồng; ông Nguyễn T số tiền 25.972.500 đồng; ông Nguyễn P số tiền 20.373.136 đồng; ông Âu T số tiền 20.107.750 đồng; bà Nguyễn X số tiền 20.510.250 đồng.

*Bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn H và ông Đào C trình bày:*

Về thời hiệu khởi kiện: theo khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động thì "Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm". Theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc".

Theo Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 20/09/2024 (theo Giấy xác nhận số 1141/GXN-TA ngày 11/10/2024 của Tòa án Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng), Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải thanh toán số tiền còn lại của Quỹ lương mùa vụ 2017-2018, trong đó Vụ 2017 - 2018 bắt đầu từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018, Tuy nhiên, đến ngày 20/09/2024, Nguyên đơn mới có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu nêu trên là đã hết thời hiệu khởi kiện theo các quy định của pháp luật như đã nêu trên.

Về nội dung vụ án: không có cơ sở yêu cầu thanh toán khoản tiền thừa của quỹ lương 8.904.588.883 đồng của vụ 2017 – 2018, cụ thể:

Xét Thỏa ước lao động và Quy chế lương năm 2017: Điều 5 Thỏa ước lao động ngày 30/9/2016 và Điều 10.3 của Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017, Công ty nhận thấy rằng không có bất kỳ cơ sở, nội dung nào thể hiện Công ty buộc phải thanh toán cho người lao động phần tiền còn lại của quỹ lương vụ sản xuất năm 2017 – 2018 là 8.904.588.883 đồng.

Xét tính chất của Quỹ lương trong hoạt động của Công ty: Thực tế, tính từ thời điểm thành lập công ty ngày 02/02/1996 theo Quyết định số 43/QĐ.TCCB.96 cho đến nay, Công ty luôn quán triệt và sử dụng Quỹ lương theo bản chất là một nguồn tiền để hỗ trợ Công ty cân đối dòng tiền nhằm mục đích chi lương, chi thưởng, phụ cấp, trợ cấp và chi phí khác cho người lao động như được quy định theo Điều 10.2 Quy chế tiền lương 2017 mà không là khoản tiền lương để buộc chi hết cho toàn thể người lao động tại cuối bất kỳ vụ sản xuất cụ thể nào.

Bên cạnh đó, các nguyên đơn buộc Công ty phải trả tiền cho các nguyên đơn thì các khoản tiền này sẽ được xác định là khoản tiền nào theo Quy chế lương và hệ số để tính lương. Vì, nếu xét tính chất tiền lương, các khoản tiền này không có tính chất tiền lương vì vượt quá hạn mức tiền lương được Công ty thỏa thuận với người lao động tại Hợp đồng lao động. Đồng thời, mỗi nguyên đơn có thời

gian tham gia quan hệ lao động tại Công ty khác nhau nên hệ số tính lương sẽ áp dụng như thế nào. Điều quan trọng nhất chính là Công ty đã trả lương đầy đủ, đúng hạn cho người lao động tương ứng với thời gian làm việc của mỗi người.

Nếu xét tính chất tiền thưởng, trong vụ 2017 - 2018, Công ty đã chi thưởng cho người lao động với mức thưởng lên đến 02 tháng tiền lương và đến nay, Công ty chưa từng có quyết định hoặc chính sách nào nhằm tuyên bố rằng Công ty sẽ tiếp tục chi thưởng từ khoản tiền của Quỹ lương.

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Công ty phải tiếp tục chi những khoản tiền không rõ cơ sở, tính chất là đi ngược lại với nguyên tắc sử dụng quỹ tiền lương của Công ty, buộc Công ty phải đưa ra những khoản chi vượt hạn mức, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

Không có cơ sở cho phương thức chia và phân bổ số tiền thừa của Quỹ lương 2017- 2018 cho từng nguyên đơn: qua rà soát các tài liệu, văn bản của Công ty ở giai đoạn mùa vụ 2017-2018, Công ty khẳng định không có bất kỳ cơ sở, nội dung nào thể hiện một cách minh thị về phương thức chia và phân bổ số tiền thừa của Quỹ lương 2017-2018 cho từng nguyên đơn, cụ thể:

Thứ nhất, Hợp đồng lao động của từng người lao động, Quy chế lương năm 2017 và Thỏa ước lao động năm 2017 không có bất kỳ quy định nào thể hiện phương thức chia và phân bổ số tiền thừa của quỹ lương từng vụ cho toàn thể người lao động của Công ty.

Thứ hai, căn cứ theo Hợp đồng lao động của từng người lao động đã ký với Công ty cũng như thực tế thực hiện hợp đồng lao động của mỗi người lao động thì mỗi người lao động sẽ có sự khác nhau về thời gian làm việc, mức lương, hệ số lương, phụ cấp và hình thức trả lương.

Do vậy, có thể thấy Công ty không thể áp dụng việc chia và phân bổ số tiền thừa của Quỹ lương 2017 - 2018 khi không có cơ sở, tính chất và cũng không có hướng dẫn về việc chia hay phân bổ số tiền này. Vì vậy, yêu cầu của phía Nguyên đơn là vô lý và không thể thực hiện được. Đề nghị:

Liên quan đến thời hiệu khởi kiện: xem xét lại thời hiệu của vụ việc và ra quyết định đình chỉ vụ việc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không bị xâm phạm, căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019, khoản 2 Điều 184 và điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Liên quan đến nội dung yêu cầu khởi kiện: bị đơn không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn với các căn cứ và cơ sở như đã nêu trên.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 02/2025/LĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ, tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn P và ông Âu T: buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 cho các nguyên đơn: ông Đỗ L số tiền 24.822.750 đồng; ông Quách VT số tiền 18.291.854 đồng; ông Nguyễn T: số tiền 25.972.750 đồng; ông Nguyễn P số tiền 20.158.608 đồng, ông Âu T số tiền 20.107.750 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn X. Buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 cho bà Nguyễn X số tiền 15.382.687 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn X về việc yêu cầu Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 số tiền chênh lệch 5.127.563 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/8/2025, bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S có đơn kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm căn cứ Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn P và ông Âu T đối với bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn X về việc buộc bị đơn thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 tính trên thực tế các tháng nguyên đơn làm việc của vụ sản xuất năm 2017 – 2018.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S chi trả tiền quỹ lương kết dư vụ sản xuất năm 2017-2018 cho các nguyên đơn nêu trên, theo mức bình quân 5,75 x số tháng thực tế làm việc của vụ sản xuất năm 2017-2018.

Từ những phân tích nêu trên: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ Y bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự*

và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Các nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán quỹ lương còn thừa nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương” theo khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố S, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với đương sự.

[3] *Về thủ tục kháng cáo:* Sau khi xét xử xong, bị đơn có kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Đương sự kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về mặt hình thức. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật.

Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[4] *Xét nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Theo nội dung của Thông báo số 37/TB-ĐST/2020 ngày 10/9/2020 của Công ty cổ phần Mía đường S về việc chi trả tiền lương còn lại của vụ 2017 – 2018 để động viên công nhân chờ kết quả giải quyết của Tòa án đối với các vụ kiện, khi có kết quả phán quyết của Tòa án thì Công ty sẽ chấp hành. Cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 154, khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp khởi kiện nêu trên của các nguyên đơn được tính bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện kể từ ngày phát sinh quyền yêu cầu hoặc tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật sau cùng của 11 vụ kiện của 90 lao động đã nghỉ việc tại công ty là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới nên yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn để yêu cầu cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện

Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S, giữ y bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S.

Giữ Y bản án lao động sơ thẩm số: 02/2025/LĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn P và ông Âu T: buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 cho các nguyên đơn: ông Đỗ L số tiền 24.822.750 đồng; ông Quách VT số tiền 18.291.854 đồng; ông Nguyễn T: số tiền 25.972.750 đồng; ông Nguyễn P số tiền 20.158.608 đồng, ông Âu T số tiền 20.107.750 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn X. Buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 cho bà Nguyễn X số tiền 15.382.687 đồng.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, các nguyên đơn: ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn T, ông Nguyễn P, ông Âu T, bà Nguyễn X có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần Mía đường S chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền trên cho các nguyên đơn ông Đỗ L, ông Quách VT, ông Nguyễn T, ông Nguyễn P, ông Âu T, bà Nguyễn X thì hàng tháng Công ty cổ phần Mía đường S còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn X về việc yêu cầu Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 số tiền chênh lệch 5.127.563 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S phải chịu là 3.742.091 đồng. Bà Nguyễn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa



án số 00001812 ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/12/2025.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 5 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 5 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Minh Trang**